

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 867/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án tổng thể giãn dân các làng đồng bào dân tộc thiểu số trong nội thành thành phố Kon Tum, gắn với tái định canh, tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định thu tiền sử dụng đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển

kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 129-TB/TU ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thông báo kết luận họp của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 546-CV/TU ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chủ trương thực hiện Đề án tổng thể giãn dân các làng đồng bào dân tộc thiểu số trong nội thành thành phố Kon Tum;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 về việc ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung Điều 9 của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 17/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025; số 261/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 về Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 300/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu

tu tại Tờ trình số 109/TTr-SKHDT ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc phê duyệt Đề án tổng thể giãn dân các làng đồng bào dân tộc thiểu số trong nội thành thành phố Kon Tum gắn với tái định canh, tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án tổng thể giãn dân các làng đồng bào dân tộc thiểu số trong nội thành thành phố Kon Tum, gắn với tái định canh, tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Kon Tum” với các nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn thành phố Kon Tum (có tính đến yếu tố vùng, liên vùng).

2. Đối tượng của Đề án: Khoảng 1.410 hộ người đồng bào dân tộc thiểu số, được phân thành hai nhóm, gồm:

a) Nhóm I: Khoảng 114 hộ người đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có đất ở, chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất; có khó khăn về nước sinh hoạt.

b) Nhóm II: Khoảng 1.296 hộ người đồng bào dân tộc thiểu số chịu tác động do triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

(Chi tiết các đối tượng của Đề án tại Phụ lục số 1 kèm theo)

3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2022 đến năm 2030.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Rà soát, đánh giá toàn diện mức độ tác động của các công trình, dự án nhằm xác định đầy đủ và chính xác các đối tượng bị tác động. Khảo sát, điều tra xã hội học nhằm nắm rõ tâm tư, nguyện vọng của đối tượng thụ

hưởng và các đối tượng khác có liên quan. Làm rõ tính khả thi các địa điểm dự kiến bố trí tái định canh, tái định cư; chỉ thực hiện giãn dân khi đảm bảo đủ đất ở, đất sản xuất.

2. Tổ chức rà soát, thực hiện các cơ chế, chính sách về tái định canh, tái định cư đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng và công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân cư trú nơi chuyển đến. Đảm bảo dân cư nơi đi có phong tục, tập quán sinh sống, sản xuất phù hợp với dân cư nơi chuyển đến, nhất là các hình thức xen ghép; ưu tiên sắp xếp dân cư chuyển đi có cùng dân tộc, có quan hệ dòng họ với dân cư cư trú nơi chuyển đến.

4. Ưu tiên thực hiện đối với quỹ đất do nhà nước quản lý để bố trí, sắp xếp cho các khu tái định canh, tái định cư. Có giải pháp thu hồi đất với đất chưa sử dụng, đất sử dụng không hiệu quả hoặc đất cho thuê nhưng đến hạn phải bàn giao; đẩy mạnh việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền kết hợp với các giải pháp đồng bộ, phù hợp nhằm ngăn chặn tình trạng các đối tượng thụ hưởng chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất sau khi được cấp đất tái định canh, tái định cư.

5. Bố trí ổn định dân cư theo các quy định đạt chuẩn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chặt chẽ, hiệu quả. Thành lập, xây dựng các mới đạt chuẩn nông thôn mới theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp đối với việc xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở phù hợp với phong tập, tập quán của từng cộng đồng dân tộc trên địa bàn.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hỗ trợ tái định canh, tái định cư đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, đất ở và bị ảnh hưởng từ các công trình, dự án và chỉnh trang đô thị. Bố trí ổn định dân cư gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch và đầu tư hình thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, nông thôn mới và chỉnh trang đô thị. Sớm ổn định đời sống, sản xuất, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; đảm bảo người dân có điều kiện và mức sống từ bằng đến cao hơn so với điều kiện sống tại nơi trước khi di chuyển. Góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Từ nay đến năm 2025, cơ bản hoàn thành thực hiện việc sắp xếp bố trí tái định cư, tái định canh cho khoảng 850 hộ (Trong đó, có 64 hộ thuộc Nhóm I và 786 hộ thuộc Nhóm II). Đồng thời, cơ bản hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cấp nước sinh hoạt, điện sinh hoạt và cơ sở hạ tầng thiết yếu khác theo quy định.

b) Giai đoạn 2026-2030, sắp xếp bố trí tái định cư, tái định canh cho khoảng 560 hộ (Trong đó, có khoảng 50 hộ thuộc Nhóm I và khoảng 510 hộ thuộc Nhóm II).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng

Rà soát, cập nhật các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành làm cơ sở áp dụng hoặc vận dụng để tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng về đất, nhà ở và các khoản hỗ trợ cần thiết khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Dự kiến hỗ trợ các nội dung như sau:

a) Nhóm I: Hỗ trợ đất ở mỗi hộ đạt khoảng từ 120 - 250m²/hộ; nhà ở cấp IV theo phong tục tập quán của địa phương, đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), diện tích mỗi căn từ 40 m² đến 100m², giá trị từ 80 - 200 triệu đồng; hỗ trợ đất sản xuất; chuyển đổi nghề; nước sinh hoạt.

b) Nhóm II: Thực hiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, giao đất sản xuất có thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định Luật Đất đai hiện hành và các quy định pháp luật liên quan; hỗ trợ di chuyển, tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và các khoản hỗ trợ khác theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

(Chi tiết các chính sách hỗ trợ tại Phụ lục số 2 kèm theo)

2. Thông tin tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp đến đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, mục đích và sự cần thiết của Đề án, vai trò của từng chủ thể, nhất là các đối tượng chính của Đề án biết, tạo sự đồng thuận, hưởng ứng của cộng đồng về chủ trương, chính sách triển khai thực hiện của Đề án, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

3. Quy hoạch, kế hoạch

a) Tổ chức điều tra, khảo sát 07 địa điểm nơi đến (Phường Thống Nhất và 06 xã Đăk Blà, Hòa Bình, Chư Hreng, Ia Chim, Ngọc Bay và Kroong) nhằm làm rõ thực trạng các đặc điểm về đất (diện tích, tính chất, nguồn gốc, hiện trạng và tài sản trên đất), một số đặc trưng về kinh tế - xã hội trên địa bàn, tập quán sinh hoạt, canh tác và cơ sở hạ tầng thiết yếu; tính khả thi về đất phục vụ cho công tác sắp xếp ổn định dân cư. Phấn đấu diện tích bố trí đất ở, đất sản xuất cho từng hộ gia đình đảm bảo đạt hạn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật và của tỉnh trên cơ sở khả năng thực tế; đảm bảo bố trí đất sản xuất có cự ly gần tương đối với nơi cư trú của từng hộ để thuận tiện trong sinh hoạt, sản xuất (*Quy hoạch các điểm tái định canh, tái định cư tại Phụ lục*

số 3 kèm theo)

b) Rà soát nội dung bố trí ổn định dân cư phù hợp với các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan. Lập quy hoạch khu tái định canh, định cư, phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. Tổ chức xây dựng, trình ban hành các quy hoạch chi tiết; xây dựng quy hoạch trên cơ sở xác định cụ thể phương án tái định canh, tái định cư cho từng địa bàn. Tổ chức thực hiện quy hoạch bố trí tái định canh, tái định cư theo hình thức tập trung tại 04 xã (Đăk Blà, Hòa Bình, Ia Chim và Kroong); quy hoạch tái định cư theo hình thức xen ghép thông qua lồng ghép các dự án khác tại Phường Thống Nhất và xã Chư Hreng; quy hoạch tái định canh tại xã Ngok Bay.

c) Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo yêu cầu của từng địa bàn theo thứ tự ưu tiên, theo từng nguồn vốn đầu tư (nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác, nguồn vốn huy động, ...) , nhằm sớm đưa người dân đến sinh sống, sản xuất theo kế hoạch.

4. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Tổ chức đánh giá, rà soát, xây dựng danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên từng địa bàn theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, đầu tư công, xây dựng và các quy định khác có liên quan, theo đúng tính chất nguồn vốn đầu tư.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết nhất của từng xã theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có); san lấp mặt bằng; khai hoang đất sản xuất (đối với khai hoang tập trung); đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; trường học (bậc mầm

non và tiểu học); cơ sở y tế; văn hóa cơ sở và công trình thiết yếu khác. Chú trọng đầu tư các làng mới tại 03 xã (Đăk Blà, Hòa Bình và Kroong).

- Dự kiến đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại từng điểm tái định canh, tái định cư như sau:

a) Điểm tái định cư tại xã Đăk Blà: San nền và xây dựng đường giao thông nội bộ; đầu tư hệ thống cấp điện; hệ thống thoát nước; hệ thống cấp nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

b) Điểm tái định cư tại xã Hòa Bình: San ủi mặt bằng; đầu tư, cải tạo hệ thống đường giao thông; hệ thống điện; nước sinh hoạt; trường học; nhà văn hóa.

c) Điểm tái định cư tại xã Phường Thống Nhất và xã Chư Hreng: Cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh theo dự án khác.

d) Điểm tái định canh, tái định cư tại xã Ia Chim: Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông; hệ thống điện; nước sinh hoạt; trường học; nhà rộng văn hoá; khu vui chơi thể thao; chợ.

đ) Điểm tái định canh tại Ngok Bay: Sử dụng hạ tầng theo hiện trạng.

e) Điểm tái định cư, tái định canh tại Kroong: Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông; hệ thống điện; nước sinh hoạt; trường học mầm non; nhà rộng văn hoá; khu vui chơi thể thao.

6. Bố trí đất ở, đất sản xuất

Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan, có biện pháp giao đất ở, đất sản xuất cho đối tượng thụ hưởng. Thực hiện việc miễn, giảm hoặc thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định, cụ thể:

a) Từ năm 2022 đến năm 2025

Dự kiến bố trí đất ở cho khoảng 846 hộ tại phường Thống Nhất và 03 xã (Đăk Blà, Chư Hreng, Hòa Bình); dự kiến bố trí đất sản xuất cho 637 hộ tại 03 xã (Đăk Blà, Hòa Bình và Ia Chim).

(Bố trí đất ở, đất sản xuất từ năm 2022-2025 tại Phụ lục số 4 kèm theo)

b) Từ năm 2026 đến năm 2030

Dự kiến bố trí đất ở cho khoảng 560 hộ tại 03 xã (Đăk Blà, Ia Chim, Kroong); dự kiến bố trí đất sản xuất cho khoảng 300 hộ dân tại 04 xã (Đăk Blà, Ia Chim, Kroong và Ngok Bay).

(Bố trí đất ở từ 2026-2030 tại Phụ lục số 5 kèm theo)

7. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn nhằm tranh thủ huy động đầy đủ, kịp thời mọi nguồn vốn (Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố, huy động khác) và các phương thức lồng ghép giữa các nguồn vốn thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án.

V. DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1. Dự kiến tổng mức đầu tư thực hiện Đề án khoảng 760,044 tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	286,526 tỷ đồng
- Chi phí thuộc cấu phần xây dựng:	417,842 tỷ đồng
- Chi phí hỗ trợ ban đầu:	45,027 tỷ đồng
- Chi phí dự phòng:	10,649 tỷ đồng

(Phụ lục 6a về dự kiến chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đến xã, phường; Phụ lục 6b về dự kiến chi phí thuộc cấu phần xây dựng chi tiết đến xã, phường; Phụ lục 6c về dự kiến chi phí hỗ trợ ban đầu theo giai

đoạn)

2. Cơ cấu nguồn vốn

- Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ: Khoảng 136,808 tỷ đồng
- Ngân sách địa phương và huy động khác: Khoảng 623,236 tỷ đồng

3. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2022-2025: Khoảng 337,797 tỷ đồng
- Giai đoạn 2026-2030: Khoảng 422,247 tỷ đồng

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum

a) Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo quy định; tổ chức điều tra, đánh giá địa điểm nơi dự kiến nơi đến; rà soát, cập nhật quy hoạch, kế hoạch; lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các dự án quy hoạch, dự án đầu tư, phương án bồi thường và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; rà soát, cập nhật báo cáo cấp thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan để theo dõi, báo cáo cấp thẩm quyền. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ 06 tháng và hằng năm và theo yêu cầu, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thành lập tổ chức liên ngành cấp thành phố hoặc giao nhiệm vụ cho tổ chức sẵn có của thành phố; phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, tổ chức trong tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

Chỉ đạo các phòng, ban và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng tích cực tham gia thực hiện Đề án; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

c) Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Đề án. Đồng thời, huy động, sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn xã hội hóa, các khoản huy động đóng góp...) để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân tái định cư. Nghiên cứu định mức hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho các nhóm đối tượng phù hợp với điều kiện thực tế và đúng theo quy định; có giải pháp phù hợp để ngăn chặn tình trạng người dân chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất sau khi được cấp đất tái định canh, định cư.

đ) Nghiên cứu xây dựng phương án khai thác quỹ đất gắn với tái định cư tại chỗ ở những nơi có điều kiện để tạo vốn đầu tư thực hiện Đề án. Thành lập, xây dựng các làng mới đạt chuẩn thôn nông thôn mới theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp đối với việc xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh”.

e) Tuân thủ đầy đủ hệ thống các quan điểm, nguyên tắc của Đề án trong triển khai Đề án; tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung, hoạt động và giải pháp chính của Đề án; tiếp tục rà soát đánh giá mức độ tác động của các công trình, dự án (đã, đang triển khai và dự kiến thu hút đầu tư) trên địa bàn thành phố Kon Tum để xác định đầy đủ các đối tượng bị ảnh hưởng khi thực hiện Đề án. Sắp xếp, bố trí tái định canh, tái định cư đối các hộ đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của từng thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của các Dự án, Tiểu dự án có liên quan theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch trung hạn và hàng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm cho Đề án theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố và các đơn vị có liên quan hướng dẫn quản lý, thanh quyết toán vốn đầu tư thực hiện đề án theo quy định.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum rà soát và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng đảm bảo cho việc triển khai thực hiện Đề án. Hỗ trợ thành phố trong việc xây dựng các thiết kế mẫu, cập nhật các quy hoạch liên quan đến khu tái định cư trong Đề án.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum trong việc lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo thực hiện các nội dung của Đề án.

7. Các sở, ngành có liên quan

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) để tổ chức triển khai các hoạt động, nhiệm vụ của Đề án.

Điều 2. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp

Phụ lục số 1**Đối tượng thụ hưởng theo Đề án**

(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Địa bàn	Đối tượng thụ hưởng (hộ)		
		Tổng số	Trong đó	
			Nhóm I	Nhóm II
	Tổng cộng	1.410	114	1.296
I	Từ 2022 - 2025	850	64	786
1	Đăk Blà	181	28	153
2	Thống Nhất	88	4	84
3	Quang Trung	348	0	348
4	Đăk Rơ Wa	45	15	30
5	Trường Chinh	60	11	49
6	Thắng Lợi	122	4	118
7	Lê Lợi	6	2	4
II	Từ 2026 - 2030 Gồm 14 xã, phường còn lại trên địa bàn thành phố Kon Tum và địa bàn các xã, phường thuộc nơi đi đã thực hiện trong Giai đoạn I (nếu có đối tượng phát sinh).	560	50	510

Phụ lục số 2
Các chính sách hỗ trợ trực tiếp theo Đề án
(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung hỗ trợ	Nhóm I	Nhóm II	
			Bị ảnh hưởng bởi dự án	Bị ảnh hưởng bởi chính trang
1	Đất ở	X	X	X
2	Đất sản xuất	X	X	
3	Chuyển đổi nghề (đào tạo nghề)	X	X	X
4	Nước sinh hoạt phân tán	X		
5	Xây dựng nhà ở	X		
6	Chi phí di chuyển		X	X
7	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất		X	
8	Hỗ trợ khác			
-	Tiền thuê nhà		X	X

Phụ lục số 3**Quy hoạch diêm tái định cư, tái định canh theo Đề án***(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Địa bàn (xã, phường)	Quy hoạch tái định cư	Quy hoạch tái định canh	Diện tích khu đất (ha)	Diện tích quy hoạch đất ở (ha)	Diện tích quy hoạch đất sản xuất (ha)	Diện tích quy hoạch đất xây dựng các công trình HTKT và đất khác (ha)	Diện tích đất ở dự kiến giao (ha)	Diện tích đất sản xuất dự kiến giao (ha)	Ghi chú
1	Xã Đăk Blà	X	X	83,46	21,55	52,19	9,72	21,55	52,19	
2	Xã Hòa Bình	X	X	48,22	16,19	21,15	10,88	1,25	21,15	
3	Phường Thống Nhất	X	-	69,44	37,63	0	31,81	0,94	0	
4	Xã Chư Hreng	X	-	21,4	7,7	0	13,7	0,45	0	
5	Xã Ia Chim	X	X	207,7	45,46	143,55	18,69	2,5	143,55	
6	Xã Ngok Bay	-	X	55	0	55	0	0	55	
7	Xã Kroong	X	X	74,9	6	65,63	3,27	6	65,63	
Tổng cộng:				560,12	134,53	337,52	88,07	32,69	337,52	

Phụ lục số 4**Bố trí đất ở, đất sản xuất giai đoạn 2022-2025 theo Đề án***(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nơi đến (Xã, phường)	Tổng số		Nơi đi (xã, phường)													
		Số hộ	Diện tích đất bố trí (ha)	Xã Đăk Blà		Phường Thống Nhất		Phường Quang Trung		Xã Đăk Rơ Wa		Phường Trường Chinh		Phường Thắng Lợi		Phường Lê Lợi	
				Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)	Số hộ	Nhu cầu đất (ha)
I	Đất ở	846	18,75	181	4,05	88	1,59	348	7,95	45	1,01	60	1,35	122	2,75	2	0,05
1	Đăk Blà	717	16,11	181	4,05	29	0,65	280	6,3	45	1,01	60	1,35	122	2,75		
2	Thống Nhất	59	0,94		-	59	0,94		-		-		-		-		-
3	Chư Hreng	20	0,45		-		-	20	0,45		-		-		-		-
4	Hòa Bình	50	1,25		-		-	48	1,2		-		-		-	2	0,05
II	Đất sản xuất	637	190,2	140	43,79	29	7,24	273	92,54	35	8,55	52	13,29	102	23,57	6	1,2
1	Đăk Blà	140	42,46	140	42,46		-		-		-		-		-		-
2	Hòa Bình	81	21,15		1,33	29	7,24		-		-	52	12,58		-		-
3	Ia Chim	416	126,6		-		-	273	92,54	35	8,55		0,71	102	23,57	6	1,2

Phụ lục số 5**Bố trí đất ở, đất sản xuất giai đoạn 2026-2030 theo Đề án**

(Kèm theo Quyết định số:867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nơi đến (xã, phường)	Tổng số		2022-2025		2026-2030	
		Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ
I	Đất ở	76,62	1.406	18,75	846	13,94	560
1	Đăk Blà	21,55	937	16,11	717	5,44	220
2	Thống Nhất	37,63	59	0,94	59	-	-
3	Chư Hreng	7,69	20	0,45	20	-	-
4	Hòa Bình	1,25	50	1,25	50	-	-
5	Ia Chim	2,50	100	-	-	2,50	100
6	Kroong	6,00	240	-	-	6,00	240
II	Đất sản xuất	337,52	-	190,18	637	147,34	300
1	Đăk Blà	52,19	-	42,46	140	9,73	20
2	Hòa Bình	21,15	-	21,15	81	-	-
3	Ia Chim	143,55	-	126,57	416	16,98	35
4	Ngok Bay	55,00	-	-	-	55,00	112
5	Kroong	65,63	-	-	-	65,63	133

Phụ lục 6a
Dự kiến chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
chi tiết đến xã, phường theo Đề án
(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh)

<i>TT</i>	<i>Địa bàn (xã, phường)</i>	<i>Giá trị (tỷ đồng)</i>
	Tổng cộng	286,526
1	Đăk Blà	34,726
2	Ngok Bay	4,026
3	Kroong	5,483
4	Quang Trung	45,435
5	Thông Nhất	66,959
6	Thắng Lợi	73,79
7	Trường Chinh	56,107

Phụ lục 6b
Dự kiến chi phí thuộc cấu phần xây dựng
chi tiết đến xã, phường theo Đề án
(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Địa bàn (xã, phường)	Giá trị (tỷ đồng)
	Tổng cộng	417,842
1	Đăk Blà	70,046
2	Hòa Bình	6,683
4	Kroong	25,849
5	Quang Trung	53,602
6	Thống Nhất	137,796
7	Thăng Lợi	85,883
8	Trường Chinh	37,983

Phụ lục 6c
Dự kiến chi phí hỗ trợ ban đầu theo giai đoạn theo Đề án
(Kèm theo Quyết định số: 867/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Giai đoạn	Tổng số	Nhóm I	Nhóm II
	Cộng	45,027	10,146	34,881
1	Giai đoạn I (từ 2022 đến năm 2025)	22,842	3,648	19,194
2	Giai đoạn II (từ năm 2026 đến năm 2030)	22,185	6,498	15,687